

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 25 -7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

2. Ông Nguyễn Duy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Vi là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sách- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: **34/2023/TLST-HNGĐ** ngày 17 tháng 03 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **83/2023/QĐXXST-HNGĐ** ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số **57/2023/QĐST-HNGĐ** ngày 03/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Thị B**, sinh năm 1996; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện L, tỉnh Bình Phước; (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Lê Hoàng L**, sinh năm 1997; Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã M, thị xã C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu tôi và anh L quyết định chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện L, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại xã Th, huyện L, tỉnh Bình Phước. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn, để một mình tôi chăm lo cho gia đình, con cái. Tôi có khuyên bảo thì anh L cũng không nghe. Vào tháng 6/2022 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh L về tại ấp 2, xã M, thị xã C sống và hai vợ chồng ly

thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa. Nay tôi cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng L1, sinh ngày 09/02/2020 và Lê Hoàng H, sinh ngày 07/9/2021. Chị Thị B yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Brứi không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hoàng L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh L vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh L được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Thị B xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác. Bị đơn anh Lê Hoàng L vắng mặt không lý do và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

+ Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án và tại phiên tòa.

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thị B được ly hôn với anh Lê Hoàng L.

- Về con chung: Giao con chung Lê Hoàng L1 và Lê Hoàng H cho chị BRứi trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu trong suốt quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn chị Thị B , Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Lê Hoàng L, sinh năm 1997; cư trú tại: ấp 2, xã M, thị xã C , tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Lê Hoàng L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật

tổ tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị B , Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Chị Thị B và anh Lê Hoàng L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[4.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn:

Theo lời trình bày của chị BRúi thì trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn, để một mình chị phải chăm lo cho gia đình, con cái. Chị đã khuyên bảo nhưng anh L không nghe. Vào tháng 6/2022, do hai vợ chồng mâu thuẫn nên anh L về sinh sống tại ấp 2, xã M, thị xã C và hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan tâm nhau nữa và trong thời gian vợ chồng sống ly thân cũng không ai liên hệ, hỏi thăm quan tâm gì nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục và hàn gắn cho chị BRúi, anh L nhưng anh L vắng mặt không lý do còn chị BRúi vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của anh chị thì được chính quyền địa phương cung cấp như sau: *Anh Lê Hoàng L, có hộ khẩu thường trú tại tổ 10, ấp 2, xã Minh Lập, nhưng chị Thị B và anh L không chung sống với nhau ở nơi cư trú của anh L nên Trưởng ấp không nắm rõ tình trạng hôn nhân của 02 người. Nhưng thời gian gần đây từ khoảng cuối năm 2022, thì anh L có về nhà tại ấp 2 sinh sống, nhưng thường xuyên đi làm nên vắng nhà, không thấy vợ con anh L cùng sinh sống tại nơi cư trú của anh L...*Như vậy, lời khai của chị BRúi phù hợp với biên bản xác minh của Tòa án.

Xét thấy, giữa chị BRúi và anh L không còn duy trì đời sống chung của vợ chồng, 02 vợ chồng sống 02 nơi, không còn quan tâm nhau và yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nữa làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị BRúi cho chị BRúi được ly hôn với anh L.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống chị BRúi và anh L có 02 con chung tên Lê Hoàng L1, sinh ngày 09/02/2020 và Lê Hoàng H, sinh ngày 07/9/2021. Hiện tại hai con chung đang sống với chị BRúi, chị yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị nuôi dưỡng, trong khi đó anh L mặc dù đã được Tòa án thông báo nhưng không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị BRúi giao con chung cho chị BRúi chăm sóc và nuôi dưỡng sau khi ly hôn để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên;

[4.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị BRúi không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con và anh L không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] Về tài sản chung: Chị BRúi và anh L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết;

[4.6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Thị B phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị B .

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Thị B được ly hôn với anh Lê Hoàng L.

2. *Về con chung:* Giao con chung Lê Hoàng L1, sinh ngày 09/02/2020 và Lê Hoàng H, sinh ngày 07/9/2021 cho chị BRứi trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con sau ly hôn.

Anh L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về nợ chung:* Không có.

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* chị Thị B phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012224 ngày 17/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã Th, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Dương Thị Thúy

